

Phụ lục V**QUY ĐỊNH CÁC TRƯỜNG HỢP, BIỆN PHÁP, MỨC HỖ TRỢ DI DỜI ĐỐI VỚI TỪNG LOẠI VẬT NUÔI KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT ĐỂ HỖ TRỢ CHO CHỦ SỞ HỮU VẬT NUÔI KHI PHẢI DI DỜI**

(Ban hành kèm theo Quyết định số 106/2025/QĐ-UBND ngày 06 tháng 10 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định chi tiết thi hành khoản 1 Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý nhà nước về đất đai và công chức làm công tác địa chính ở cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất.

Điều 3. Hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất

1. Các trường hợp được hỗ trợ di dời

a) Khu vực thu hồi đất không có dịch bệnh xảy ra trên đàn vật nuôi.

b) Chủ sở hữu vật nuôi phải di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Sơn La di dời đến vị trí mới để chăn nuôi đáp ứng điều kiện theo quy định của Luật Chăn nuôi.

2. Biện pháp hỗ trợ

Hỗ trợ bằng tiền trên cơ sở xác định khối lượng vật nuôi thực tế thuộc đối tượng được hỗ trợ di dời bằng phương pháp xác định khối lượng, xác định quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi.

3. Mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi

Khi Nhà nước thu hồi đất chủ sở hữu vật nuôi được hỗ trợ kinh phí di dời vật nuôi (chi tiết tại Biểu kèm theo).

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân cấp xã và đơn vị liên quan theo dõi, kiểm tra, triển khai thực hiện Quyết định này.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Chỉ đạo đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp với tổ, bản, tiểu khu, chủ sở hữu vật nuôi kiểm đếm, xác định khối lượng vật nuôi thực tế, quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi tại thời điểm thu hồi đất để lập dự toán hỗ trợ di dời. Chịu trách nhiệm về tính chính xác của số liệu trong phương án hỗ trợ.

b) Chỉ đạo các phòng, ban chuyên môn tuyên truyền, hỗ trợ, chi trả kịp thời cho tổ chức, hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất trên địa bàn đúng theo quy định.

3. Chủ sở hữu vật nuôi có trách nhiệm phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phối hợp, tổ, bản, tiểu khu kiểm đếm, xác định khối lượng vật nuôi thực tế, quãng đường từ nơi thu hồi đất di dời đến vị trí mới để chăn nuôi tại thời điểm thu hồi đất, chấp hành việc di dời vật nuôi.

4. Trong quá trình thực hiện Quyết định này, nếu có vướng mắc, Ủy ban nhân dân cấp xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo và đề xuất giải pháp gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**Mức hỗ trợ di dời đối với từng loại vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất
trên địa bàn tỉnh Sơn La**
(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sơn La)

TT	Loại vật nuôi	Đơn vị tính	Mức hỗ trợ (Đồng)
I	Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường đến 05 km		
1	Đường cứng hoá (Đường nhựa, bê tông, đường cấp phối)		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	140.000
-	Lợn	Tấn/Km	150.000
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	160.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	170.000
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	190
2	Loại đường đất		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	150.000
-	Lợn	Tấn/Km	160.000
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	170.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	180.000
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	200
II	Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường từ trên 05 km trở lên		
1	Đường cứng hoá (Đường nhựa, bê tông, đường cấp phối)		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	6.000
-	Lợn	Tấn/Km	6.500
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	7.500
-	Gia cầm	Tấn/Km	8.000
-	Dông, dế, bò cạp, tắc, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	8,0
2	Loại đường đất		
-	Trâu, bò, ngựa	Tấn/Km	7.000
-	Lợn	Tấn/Km	7.500
-	Dê, cừu, hươu sao, chó, thỏ, nhím	Tấn/Km	8.000
-	Gia cầm	Tấn/Km	8.500

-	Dông, dế, bọ cạp, tằm, giun quế, rồng đất và ruồi lính đen	Kg/Km	8,5
---	--	-------	-----

Ghi chú:

- Số lẻ (m) quy đổi ra km (ví dụ: 250m = 0,25km).

- Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường đến 5 km áp dụng theo mục I phụ lục kèm theo Quyết định.

- Mức hỗ trợ di dời vật nuôi quãng đường từ trên 05 km trở lên áp dụng theo mục II kèm theo Quyết định.

Tổng kinh phí hỗ trợ bằng số kinh phí hỗ trợ của quãng đường đến 05 km (mục I Phụ lục kèm theo Quyết định này) cộng với số kinh phí hỗ trợ của quãng đường từ trên 05 km trở lên (mục II Phụ lục kèm theo Quyết định này).

Ví dụ: 01 cơ sở chăn nuôi có 01 tấn lợn di chuyển trên loại đường cứng hoá đến vị trí mới để chăn nuôi với quãng đường 20 km thì được hỗ trợ như sau: 05 km x 150.000 đồng/tấn/km = 750.000 đồng, 15 km sau x 6.500 đồng = 97.500 đồng, như vậy tổng tiền được hỗ trợ = 750.000 đồng + 97.500 đồng = 847.000 đồng.